

Biểu số II.06a/VPCP/KSTT

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Kỳ báo cáo: Quý II Năm 2023.
(Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 12/6/2023)

- Đơn vị báo cáo:
+ Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Đơn vị nhận báo cáo:
+ Văn phòng UBND tỉnh Khánh Hòa.

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)
1	Đăng ký biện pháp bảo đảm	12220	8747	3393	80	12130	11830	290	10	90	85	5
2	Đất đai	58579	21919	30231	6429	52490	51811	255	424	6089	5889	200
3	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	10	6	4	0	10	9	1	0	0	0	0
4	Tổng hợp	12972	8522	4205	245	12492	12442	33	17	480	461	19
5	Biển và Hải đảo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Địa chất và khoáng sản	51	0	12	39	17	11	0	6	34	30	4
7	Môi Trường	67	1	49	17	50	50	0	0	17	17	0
8	Tài nguyên nước	31	0	9	22	8	7	0	1	23	22	1
TỔNG		83930	39195	37903	6832	77197	76160	579	458	6733	6504	229

Biểu số IL.07b/VPCP/KSTT TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Kỳ báo cáo: Quý II Năm 2023
(Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 12/6/2023)

- Đơn vị báo cáo:

Sở Tài nguyên và Môi trường

- Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng UBND tỉnh
Khánh Hòa

Đơn vị tính: TTHC, %.

I. SỐ LƯỢNG TTHC TRIỂN KHAI TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA

STT	Lĩnh vực	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương				TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT				Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành			
		Tổng số TTHC	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Tổng số TTHC	Tại BPMC cấp tỉnh	Tại BPMC cấp huyện	Tại BPMC cấp xã	Tổng số quy trình	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)+(14)	(12)	(13)	(14)
1	Lĩnh vực Biển và Hải đảo	15	10	05	00	15	10	05	00	17	11	06	00
2	Lĩnh vực Tài nguyên nước	19	17	02	00	19	17	02	00	19	17	02	00
3	Lĩnh vực Khí tượng thủy văn	03	03	00	00	03	03	00	00	03	03	00	00
4	Lĩnh vực Môi trường	08	07	01	00	08	07	01	00	08	07	01	00
5	Lĩnh vực Khoáng sản – địa chất	17	17	00	00	17	17	00	00	22	22	00	00
6	Lĩnh vực Đo đạc – Bản đồ	02	02	00	00	02	02	00	00	05	05	00	00
7	Đất đai	38	26	11	01	38	26	11	01	87	69	17	01
8	Thông tin TN&MT.	01	01	00	00	01	01	00	00	02	02	00	00
9	Đăng ký giao dịch bảo đảm	05	05	00	00	05	05	00	00	10	10	00	00
TỔNG CỘNG		108	88	19	01	108	88	19	01	173	146	26	01

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP TỈNH, HUYỆN

STT	Lĩnh vực	Cấp tỉnh		Cấp huyện	
		Số lượng TTHC	Tỷ lệ	Số lượng TTHC	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Lĩnh vực Biển và Hải đảo	09	100 %	00	
2	Lĩnh vực Tài nguyên nước	16	100 %	02	
3	Lĩnh vực Khí tượng thủy văn	03	100 %	00	
4	Lĩnh vực Môi trường	07	100 %	01	100 %
5	Lĩnh vực Khoáng sản	17	100 %	00	
6	Lĩnh vực Đo đạc – Bản đồ	02	100 %	00	
7	Đất đai	32	96,96 %	10	90,9 %
8	Đăng ký giao dịch bảo đảm	05	100 %	00	
9	Thông tin TN&MT.	01	100 %	00	
TỔNG CỘNG		91	100 %	13	

Biểu số II.08/VPCP/KSTT

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI
TRƯỜNG ĐIỆN TỬ CỦA BỘ, CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý II Năm 2023
(Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 12/6/2023)

- Đơn vị báo cáo:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng UBND tỉnh Khánh Hòa.

Đơn vị tính: hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có = 1; không = 0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A	DVCTT DO THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO							
II	CẤP TỈNH							
...	...							
B	DVCTT DO BỘ, CƠ QUAN, UBND TỈNH CHỦ ĐỘNG TRIỂN KHAI							
II	CẤP TỈNH							
1	Lĩnh vực đất đai							
1.1	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất				50%	5677	8521	1
1.2	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai				50%	62	62	1
1.3	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký				50%	76	103	1

1.4	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất				50%	4281	5373	1
2	Lĩnh vực Thông tin TNMT							
1.1	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường				50%	8521	12743	1
3	Lĩnh vực Đo đạc bản đồ và Viễn thám							
3.1	Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ	50%	0	0				1
4	Lĩnh vực Môi trường							
4.1	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	50%	0	0				
	TỔNG CỘNG	50%	0	0	50%	18617	26802	6

Biểu số
II.05a/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ
(PAKN) VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH VÀ HÀNH
VI HÀNH CHÍNH TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

Kỳ báo cáo: Quý II Năm 2023

(Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 12/6/2023)

- Đơn vị báo cáo:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường

- Đơn vị nhận báo cáo:

+ Văn phòng UBND tỉnh;

Đơn vị tính: Số PAKN.

STT	Tên ngành, lĩnh vực có PAKN	Số lượng PAKN được tiếp nhận					Kết quả xử lý PAKN									Số PAKN đã xử lý được đăng tải công khai
		Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Đã xử lý					Đang xử lý				
			Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ	Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Hành vi hành chính	Quy định hành chính		
								Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ					
(1)	(2)	(3) =(4)+(5) =(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (9)+(10) =(11)+(12)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)= (14)+(15)	(14)	(15)	(16)	
1	Đất đai	6	6	00	00	6	6	6	00	00	6	00	00	00	6	
TỔNG CỘNG		6	6	00	00	6	6	6	00	00	6	00	00	00	6	

**Biểu số
II.03b/VPCP/KSTT**

**KẾT QUẢ CÔNG BỐ, CÔNG
KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý II Năm 2023

*(Từ ngày 15/12/2022 đến ngày
12/6/2023)*

- Đơn vị báo cáo:

Sở Tài nguyên và Môi trường .

- Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng UBND tỉnh Khánh
Hòa

Đơn vị tính: TTHC, VB.

I. CÔNG BỐ DANH MỤC TTHC, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA TRUNG ƯƠNG

STT	Tên cơ quan, đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố	Số lượng văn bản QPPL quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC đã được công bố				Số lượng TTHC đã được công khai/ không công khai		Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tính đến thời điểm báo cáo
				Tổng số	TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (Công khai)	Bãi bỏ hoặc thay thế (Không công khai)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
01	Sở Tài nguyên và Môi trường	00	00	30	05	28	11	24	11	92
02	UBND cấp huyện	00	00	00	05	00	00	00	00	15
03	UBND cấp xã	00	00	00	01	00	00	00	00	01
Tổng cộng		00	00	30	11	28	11	24	11	108

Biểu số II.04/VPCP/KSTT

KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

Kỳ báo cáo: Quý II Năm 2023

(Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 12/6/2023)

- Đơn vị báo cáo:

Sở Tài nguyên và Môi trường

- Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng UBND tỉnh

Đơn vị tính: TTHC/nhóm TTHC, triệu đồng %

[illegible]

[illegible]